TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2018/HNGĐ-ST
Ngày:27-03-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Chiến

Ông Lê Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà:*

Bà Trần Thị Kim Ngân -Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Hồng G, sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp LA, xã LH, huyện BĐ, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LA, xã LH, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/9/2017 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Hồng G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống năm 2008, kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện BĐ, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không có lo cuộc sống gia đình, ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cải. Chị và anh H ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh H có với nhau 02 con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày: 13/02/2009 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày: 12/4/2011 hiện chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Bùi Hồng G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

-Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn anh H các lần hòa giải, xét xử đều vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57,58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Hồng G. 02 con chung để chị G được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.Tài sản chung, nợ chung: Chị G khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh H vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 04/15/2017 tại xã LH thì anh H vẫn còn sinh sống tại địa phương, đơn khởi kiện chị G ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện anh Nguyễn Văn H. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Hồng G và anh Nguyễn Văn H chung sống năm 2008, kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện BĐ, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị G trình bày là do anh H không có lo cuộc sống gia đình, ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cải. Cả hai ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị G. Chị G vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị G khai chị và anh H chung sống có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày: 13/02/2009 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày: 12/4/2011 hiện chị đang nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Các lần mời giải quyết vụ án tại Tòa án và xét xử sơ thẩm, anh H đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi về việc nuôi 02 con chung. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Khánh L đủ 07 tuổi, phù hợp quy định pháp luật và hoàn toàn có căn cứ theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị G nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị G nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị G khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Hồng G phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Bùi Hồng G.

2. Chị Bùi Hồng G được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Chị Bùi Hồng G được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày: 13/02/2009 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày: 12/4/2011. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Trong thời gian con chung của chị G và anh H chưa thành niên, chị G có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4.Tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Hồng G khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Bùi Hồng G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006109 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị G đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Hồng G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-UBND xã LH;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Phương